

THIẾT KẾ BÀI DẠY TRÊN LỚP THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC TRONG GIẢNG DẠY TÂM LÝ HỌC VÀ GIÁO DỤC HỌC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Trần Thị Tuyết Oanh¹

Nguyễn Thị Kim Liên²

Tóm tắt: *Dạy học theo định hướng phát triển năng lực người học là xu thế hiện nay tại các trường Đại học. Với định hướng này, khi thiết kế bài giảng cần phải đảm bảo các yêu cầu mới như: giảng viên phải tổ chức các hoạt động học tập cho sinh viên theo hướng chú ý đến việc rèn luyện phương pháp tư duy, khả năng tự học, nhu cầu hành động và có được năng lực thực hiện sau bài học. Thông qua các tri thức của lý luận dạy học, bài viết sẽ giới thiệu cách thiết kế cụ thể một giáo án dạy trên lớp theo định hướng phát triển năng lực người học trong giảng dạy Tâm lý học, Giáo dục học.*

Từ khóa: *Thiết kế bài dạy trên lớp, tiếp cận năng lực, đổi mới phương pháp dạy học, dạy học theo định hướng phát triển năng lực người học.*

1. Mở đầu

Tâm lý học, Giáo dục học là các một môn học vừa mang tính khoa học cơ bản, vừa mang tính nghiệp vụ trong trường sư phạm, có vai trò đặc biệt trong đào tạo người giáo viên trong tương lai. Trong quá trình dạy học môn Tâm lý học (TLH), Giáo dục học (GDH), giảng viên (GV) đồng thời phải thực hiện hai nhiệm vụ, vừa là người dạy tri thức khoa học môn học, đồng thời là người dạy phương pháp, kỹ năng dạy học, giáo dục cho sinh viên (SV). Vì vậy, GV vừa phải nắm vững kiến thức chuyên môn vừa thành thạo nghiệp vụ sư phạm.

Hiện nay, thực tiễn dạy học các môn học này cho thấy đa số GV còn thiết kế các bài dạy vẫn theo lối mòn truyền thống, đó là cách thiết kế bài dạy dựa trên cách tiếp cận nội dung. Với cách thiết kế này, bài dạy thường bị nhấn mạnh bởi yếu tố cung cấp kiến thức để SV ghi nhớ, tái tạo kiến thức cả trong hoạt động dạy, hoạt động học và kiểm tra - đánh giá kết quả học tập, và tất nhiên sẽ kéo theo việc sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống, chưa phát huy được năng lực của người học.

Thiết kế bài dạy trên lớp theo định hướng phát triển năng lực là cách tổ chức các hoạt động học tập của SV bằng các phương pháp dạy học tích cực. Trong cách dạy này, SV được cuốn hút vào các hoạt động học tập do GV tổ chức và chỉ đạo, thông qua đó tự lực khám phá ra những điều mình chưa rõ chứ không phải thụ động tiếp thu kiến thức đã

1. PGS.TS., Đại học Sư Phạm Hà Nội.

2. TS., Khoa Các môn chung, Đại học Quảng Nam.

được GV định hướng trước. SV được đặt vào những tình huống thực tế, quan sát, thảo luận, giải quyết vấn đề đặt ra theo suy nghĩ của mình, theo đó SV vừa nắm vững kiến thức mới vừa phát huy năng lực thực tiễn của mình.

Từ tầm quan trọng và ý nghĩa trên, bằng lý luận và thực tiễn dạy học của bản thân, bài viết sẽ đề cập đến một cách cụ thể các bước thiết kế bài dạy trên lớp theo hướng tiếp cận năng lực người học trong giảng dạy học phần TLH và GDH tại trường Đại học, được thể hiện bằng các giáo án minh họa.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm bài học, giờ học, kế hoạch dạy học (thiết kế bài dạy)

+ **Bài học** là một đoạn hoàn chỉnh, một quá trình dạy học thu gọn toàn vẹn với tất cả các thành tố cấu thành quá trình dạy học. Bài học là đơn vị có cấu trúc môn học và là đơn vị của chương trình dạy học ở nhà trường phổ thông hiện nay. [3].

+ **Giờ học** là hình thức và là giai đoạn của các đơn vị trong chương trình được thực hiện trong quá trình dạy học. Các bài học, các chủ đề hay dự án đều được thực hiện thông qua một hoặc một số giờ học xác định. [3].

+ **Trong nhà trường tồn tại các kiểu giờ học như sau:**

- Giờ học lĩnh hội tri thức mới
- Giờ học hình thành kỹ năng, kỹ xảo
- Giờ học vận dụng tri thức, kỹ năng, kỹ xảo
- Giờ học khái quát hóa và hệ thống hóa tri thức, kỹ năng, kỹ xảo
- Giờ học kiểm tra và hiệu chỉnh tri thức, kỹ năng, kỹ xảo
- Giờ học tham quan thực tế
- Giờ học thảo luận
- Giờ học ngoại khóa.

+ **Kế hoạch dạy học:** Là một bản thiết kế và hướng dẫn cụ thể cho việc thực hiện giảng dạy một môn học hay một bài học, bao gồm các nội dung: xác định mục tiêu giảng dạy; dự kiến các nguồn lực học tập; thiết kế các hoạt động học tập; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện hoạt động dạy học. [3].

2.2. Quy trình chuẩn bị một giờ học

Hoạt động chuẩn bị cho một giờ dạy học đối với GV thường được thể hiện qua việc chuẩn bị giáo án. Đây là hoạt động xây dựng kế hoạch dạy học cho một bài học cụ thể, thể hiện mối quan hệ tương tác giữa GV với SV, giữa SV với SV nhằm đạt được những mục tiêu của bài học.

Căn cứ trên giáo án, có thể vừa đánh giá được trình độ chuyên môn và tay nghề sư phạm của GV vừa thấy rõ quan niệm, nhận thức của họ về các vấn đề giáo dục như: mục tiêu giáo dục, nội dung giáo dục, cách sử dụng phương pháp dạy học, thiết bị dạy học, hình thức tổ chức dạy học và cách đánh giá kết quả học tập của SV trong mối quan hệ với các yếu tố có tính chất tương đối ổn định như: kế hoạch, thời gian, cơ sở vật chất và

đối tượng SV. Chính vì thế, hoạt động chuẩn bị cho một giờ học có vai trò và ý nghĩa rất quan trọng, quyết định nhiều tới chất lượng và hiệu quả giờ dạy học.

Từ thực tế dạy học, có thể tổng kết thành quy trình chuẩn bị một giờ học với các bước thiết kế một giáo án và khung cấu trúc của một giáo án cụ thể như sau:

2.2.1. Năng lực - các bước thiết kế một giáo án theo hướng phát triển năng lực người học

a. Năng lực

Nghiên cứu các tài liệu nước ngoài và tài liệu trong nước của một số tác giả, chúng tôi thấy có khá nhiều cách hiểu khác nhau về năng lực:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam xếp năng lực vào phạm trù hoạt động khi giải thích: “Năng lực là sự huy động tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí... để thực hiện một loại công việc trong một bối cảnh nhất định” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2015).[1]

- Năng lực của con người thể hiện, bộc lộ qua việc thực hiện thành công hoạt động, nhưng bản thân nó không phải là hoạt động. Nó là kết quả “huy động tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và các thuộc tính cá nhân khác” nhưng không phải chính “sự huy động” ấy [1].

- Một số tài liệu khác gọi năng lực là đặc điểm, phẩm chất hoặc thuộc tính cá nhân. Ví dụ: “Năng lực là tổng hợp những thuộc tính độc đáo của cá nhân phù hợp với những yêu cầu đặc trưng của một hoạt động nhất định, nhằm đảm bảo việc hoàn thành có kết quả tốt trong lĩnh vực hoạt động ấy.” Trần Trọng Thủy, dẫn theo [4].

+ Phần lớn định nghĩa *năng lực* trong các tài liệu nước ngoài cho đó là *khả năng* (ability, capacity, possibility).

Tuy nhiên, theo Miller (1990) [6] cho rằng, năng lực của mỗi người thể hiện 4 mức độ khác nhau của một mục đích giáo dục theo cách tiếp cận năng lực (kiến thức, kỹ năng, thể hiện và hành động thực tế). Mô hình năng lực của Miller được sử dụng như một công cụ vừa để phát triển các kỹ thuật, phương pháp đánh giá, vừa để xác lập các mục tiêu học tập. Theo mô hình này, ở mức thấp, người học đạt được các kết quả kiến thức và kỹ năng. Ở mức cao hơn, người học thể hiện năng lực và hành động thực tế với năng lực của mình.

Trên cơ sở đó, chúng tôi cho rằng ***năng lực là sự tích hợp sâu sắc của kiến thức - kỹ năng - thái độ làm nên khả năng của một người để thực hiện một công việc chuyên môn và được thể hiện trong thực tiễn hoạt động.***

b. Các bước thiết kế một giáo án theo hướng phát triển năng lực người học

Theo lý luận dạy học, về cơ bản các bước thiết kế một bài dạy (giáo án) là giống nhau. Tuy nhiên, tùy theo cách tiếp cận trong dạy học của mỗi GV mà họ có những kỹ thuật thiết kế riêng cho phù hợp. Theo chúng tôi, để thiết kế một bài dạy trên lớp theo hướng tiếp cận năng lực người học trong giảng dạy học phần TLH và GDH cần có những kỹ thuật thiết kế như sau:

- **Bước 1:** Xác định mục tiêu của bài học căn cứ vào chuẩn kiến thức, kỹ năng và

yêu cầu về thái độ và các năng lực cần phát triển cho người học thông qua bài dạy đó. Bước này được đặt ra bởi việc xác định mục tiêu của bài học là một khâu rất quan trọng, đóng vai trò thứ nhất, không thể thiếu của mỗi giáo án. Mục tiêu vừa là cái đích hướng tới, vừa là yêu cầu cần đạt của giờ học. Xây dựng mục tiêu bài dạy đó là việc xác định kết quả học tập ở cuối bài bằng những từ cụ thể, bằng những hành vi, hành động quan sát được. Nói cách khác đó là trả lời câu hỏi: Cuối bài học SV học được gì về mặt kiến thức, kỹ năng và thái độ? hay họ thay đổi thế nào về các mặt này? Mục tiêu phải viết dưới góc độ người học (viết cho người học) để nhấn mạnh kết quả cuối cùng của bài học là ở phía SV chứ không phải ở phía GV.

Chính vì vậy, bắt đầu với mỗi mục tiêu học tập bằng một động từ hành động, tiếp theo là đối tượng của động từ theo sau bởi một cụm từ mang bối cảnh. Với mỗi mục tiêu học tập chỉ dùng một động từ. Tránh sử dụng các từ mơ hồ như: ***nắm, biết, hiểu, tìm hiểu, làm quen với, được tiếp xúc với, được làm quen với, và nhận thức được***. Tránh viết các câu phức tạp, nếu cần thiết chỉ sử dụng nhiều hơn một câu để đảm bảo sự rõ ràng. Đảm bảo rằng các mục tiêu học tập của các học phần có liên quan đến mục tiêu chung của chương trình. Mục tiêu học tập phải có thể quan sát và đo lường được, đảm bảo rằng các mục tiêu học tập có thể đánh giá được. Mục tiêu phải phân định rõ mức độ nắm vững kiến thức và kỹ năng.

Theo tôi được biết, sai lầm thường mắc phải của một số GV khi viết mục tiêu học tập là không thể đánh giá được SV, khi kết thúc bài dạy có đạt được mục tiêu đã đề ra hay không - tức là không viết mục tiêu dưới góc độ người học. Đương nhiên, điều này cũng không thể đánh giá được GV có hoàn thành tốt bài dạy của mình hay không.

- **Bước 2:** Nghiên cứu giáo trình và các tài liệu liên quan để hiểu chính xác, đầy đủ những nội dung của bài học; xác định những kiến thức, kỹ năng, thái độ cơ bản cần hình thành và phát triển ở SV; xác định trình tự logic của bài học.

Với một giáo án được thiết kế theo hướng tiếp cận năng lực người học, ngoài việc phải bám theo tri thức cơ bản trong giáo trình, người GV cần chú ý đến các tri thức trong các tài liệu khác phù hợp, tương ứng; suy nghĩ về các chủ đề cần cho SV thảo luận, bàn bạc, chia sẻ; kết hợp với các PPDH và hình thức tổ chức dạy học tương ứng để phát huy năng lực học tập của SV.

Để thực hiện được công việc này, kinh nghiệm của GV dạy lâu năm cho thấy, trước hết nên đọc kỹ nội dung bài học và hướng dẫn tìm hiểu bài trong giáo trình để hiểu, đánh giá đúng nội dung bài học rồi mới chọn đọc thêm tư liệu để hiểu sâu, hiểu rộng nội dung bài học. Mỗi GV không chỉ có kỹ năng tìm đúng, tìm trúng tư liệu cần đọc mà cần có kỹ năng định hướng cách chọn, đọc tư liệu cho SV. GV nên chọn những tư liệu đã qua thẩm định, được đồng ý của các nhà chuyên môn và GV tin cậy. Việc đọc tài liệu giáo trình, tài liệu phục vụ cho việc soạn giáo án có thể chia thành 3 cấp độ sau: đọc lướt để tìm nội dung chính xác định những kiến thức, kỹ năng cơ bản, trọng tâm mức độ yêu cầu và phạm vi cần đạt; đọc để tìm những thông tin quan tâm như: các mạch, bố cục, trình bày các mạch kiến thức, kỹ năng và dụng ý của tác giả; đọc để phát hiện và phân tích, đánh giá các chi

tiết trong từng mạch kiến thức, kỹ năng để suy nghĩ và đưa ra các chủ đề để SV bàn bạc, chia sẻ, tìm kiếm tri thức, vận dụng tri thức sau mỗi bài học.

- **Bước 3:** Xác định khả năng đáp ứng các nhiệm vụ nhận thức của SV, gồm: xác định những kiến thức, kỹ năng mà SV đã có và cần có; dự kiến những khó khăn, những tình huống có thể nảy sinh và các phương án giải quyết.

Bước này được đặt ra bởi trong giờ học theo định hướng tiếp cận năng lực người học, GV không những phải nắm vững nội dung bài học mà còn phải hiểu SV để lựa chọn PPDH, phương tiện dạy học, hình thức tổ chức dạy học và đánh giá cho phù hợp. Như vậy, trước khi soạn giáo án cho giờ học mới, GV phải lường trước các tình huống, các cách giải quyết nhiệm vụ học tập của SV. Nói cách khác, tính khả thi của giáo án phụ thuộc vào trình độ, năng lực học tập của SV, được xuất phát từ những kiến thức, kỹ năng mà SV đã có một cách chắc chắn, vững bền; những kiến thức, kỹ năng mà SV chưa có hoặc có thể quên; những khó khăn có thể nảy sinh trong quá trình học tập của SV.

- **Bước 4:** Lựa chọn phương pháp dạy học, phương tiện dạy học, hình thức tổ chức dạy học và cách thức đánh giá thích hợp nhằm giúp SV học tập tích cực, chủ động, sáng tạo.

Bước này được đặt ra bởi trong giờ học theo định hướng tiếp cận năng lực người học, GV phải quan tâm tới việc phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, tinh thần hợp tác, kỹ năng vận dụng kiến thức vào những tình huống khác nhau trong học tập và trong thực tiễn; tác động đến tư tưởng và tình cảm để đem lại niềm vui, hứng thú trong học tập cho SV. Trong thực tiễn dạy học hiện nay, các GV vẫn quen với lối dạy học đồng loạt với những nhiệm vụ học tập không có tính phân hoá, ít chú ý tới năng lực học tập của từng đối tượng SV. Dạy học theo định hướng tiếp cận năng lực người học sẽ chú trọng cải tiến thực tiễn này, phát huy thế mạnh tổng hợp của các phương pháp dạy học, phương tiện dạy học, hình thức tổ chức dạy học và cách thức đánh giá nhằm tăng cường sự tích cực học tập của các đối tượng SV trong giờ học.

- **Bước 5:** Thiết kế giáo án.

Đây là bước mà người GV bắt tay vào soạn giáo án - thiết kế nội dung, nhiệm vụ, cách thức hoạt động, thời gian và yêu cầu cần đạt cho từng hoạt động dạy của GV và hoạt động học tập của SV.

Trong thực tế, có nhiều GV khi soạn giáo án thường chỉ đọc giáo trình, tài liệu tham khảo và bắt tay ngay vào hoạt động thiết kế giáo án. Trong quá trình soạn bài giảng, có GV soạn nguyên nội dung tri thức trong giáo trình thành bài giảng của mình, đôi khi bỏ qua các khâu xác định mục tiêu bài học, xác định khả năng đáp ứng nhiệm vụ học tập của SV; GV không chịu khó nghiên cứu, lựa chọn các chủ đề thảo luận cũng như các phương pháp dạy học, phương tiện dạy học, hình thức tổ chức dạy học và cách thức đánh giá thích hợp nhằm giúp SV học tập tích cực, chủ động, sáng tạo. Cách làm như vậy không thể giúp GV có được một giáo án tốt và có những điều kiện để thực hiện một giờ dạy học tốt.

2.2.2. Cấu trúc của một giáo án

Cấu trúc của một giáo án được thể hiện ở các nội dung sau:

+ Mục tiêu bài học:

Nêu rõ yêu cầu SV cần đạt sau bài học về kiến thức, kỹ năng, thái độ và các năng lực đạt được một cách cụ thể.

+ Chuẩn bị về phương pháp và phương tiện dạy học:

GV chuẩn bị các thiết bị dạy học (tranh ảnh, mô hình, hiện vật,...), các phương tiện dạy học (máy chiếu, Ti vi, đầu video, máy tính, máy projector...) và tài liệu dạy học cần thiết;

Hướng dẫn SV chuẩn bị bài học (soạn bài, làm bài tập, chuẩn bị tài liệu và đồ dùng học tập cần thiết).

+ Tổ chức các hoạt động dạy học: Mô tả rõ cách thức triển khai các hoạt động dạy - học cụ thể. Với mỗi hoạt động cần chỉ rõ tên hoạt động; mục tiêu của hoạt động; cách tiến hành hoạt động; thời lượng để thực hiện hoạt động; kết luận của GV về những kiến thức, kỹ năng, thái độ mà SV cần có sau hoạt động; những tình huống thực tiễn có thể vận dụng kiến thức, kỹ năng, thái độ đã học để giải quyết; những sai sót thường gặp; những hậu quả có thể xảy ra nếu không có cách giải quyết phù hợp;...

+ Hướng dẫn các hoạt động tiếp nối: Xác định những việc SV cần phải tiếp tục thực hiện sau giờ học để củng cố, khắc sâu, mở rộng bài cũ hoặc để chuẩn bị cho việc học bài mới. Một bài giảng được định hướng dạy theo phát triển năng lực, GV còn phải thiết kế hoạt động tìm tòi, mở rộng. áp dụng tri thức đã học để vận dụng giải quyết các vấn đề tương ứng trong thực tiễn và các hoạt động.

2.2.3. Thiết kế minh họa bài dạy trên lớp theo định hướng phát triển năng lực người học trong giảng dạy Tâm lý học và Giáo dục học

Do khuôn khổ của bài viết có hạn, nên tôi chỉ thiết kế một giáo án minh họa thuộc học phần Tâm lý học đại cương, giảng dạy cho các lớp Đại học sư phạm.

GIÁO ÁN MINH HỌA

Tên bài dạy: **CÁC QUY LUẬT CỦA TÌNH CẢM**

Học phần: **Tâm lý học đại cương**

Lớp: Khối ĐHSPT

Họ và tên giáo viên:

Thời gian: 50 phút

Số lượng SV:

I. MỤC TIÊU

* **Kiến thức:** Sau bài học, SV có khả năng:

+ Liệt kê và mô tả được nội dung các quy luật của tình cảm, cụ thể:

- Quy luật lây lan

- Quy luật di chuyển
- Quy luật pha trộn
- Quy luật tương phản
- Quy luật thích ứng
- Quy luật hình thành tình cảm.

+ Phân tích, so sánh sự khác nhau ở một số quy luật để hiểu đúng đắn ý nghĩa và bản chất của từng quy luật.

+ Xem xét và giải thích các hiện tượng xúc cảm - tình cảm diễn ra theo các quy luật trong cuộc sống và trong dạy học.

*** Kỹ năng:**

+ Hình thành kỹ năng phân tích, so sánh, vận dụng nội dung các tri thức đã học để hiểu đúng và giải quyết các tình huống trong thực tiễn.

+ Phát triển các kỹ năng làm việc nhóm, chia sẻ, hợp tác.

*** Thái độ:**

+ Sau bài học SV có ý thức vận dụng các kiến thức đã học vào cuộc sống và trong công tác giáo dục đối với học sinh lứa tuổi học sinh trung học phổ thông.

+ Qua bài học, tin rằng sinh viên sẽ biết tự điều chỉnh nhận thức cảm xúc của mình đi theo hướng tích cực và tránh những biểu hiện tiêu cực xảy ra trong đời sống tình cảm.

*** Phát triển năng lực:**

- Năng lực thấu hiểu, phán đoán chính xác các tình huống và hiện tượng tâm lý.

- Năng lực thực hành các tình huống tâm lý học.

- Năng lực giải quyết vấn đề.

- Năng lực lập kế hoạch và vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn học tập và cuộc sống.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Máy chiếu projector

- Đèn chiếu overhead, giấy kính trong, bút dạ, giấy roki.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Hoạt động số	Thời gian	Mục tiêu	Phương pháp	Nội dung Mô tả hoạt động của GV và SV	Tư liệu, phương tiện đồ dùng
01	03 phút	Kiểm tra kiến thức cũ	Đàm thoại	- GV hỏi: Nêu các mức độ của tình cảm? lấy ví dụ minh họa? - SV tái hiện kiến thức cũ và trả lời	
	02	Mở bài HD giới thiệu tổng quát bài mới	Nêu vấn đề để SV tìm kiếm tri thức mới.	- Đời sống tình cảm con người thường diễn ra theo các quy luật nào? - SV liệt kê các quy luật của đời sống TC đã được GV giao nhiệm vụ đọc tài liệu trước ở nhà.	Máy chiếu projector

02	15 phút	<p>Thân bài</p> <p>-HD hình thành kiến thức mới thông qua việc tổ chức HD cho SV chủ động, tích cực trong học tập.</p> <p>-Giao công việc cho SV tự tìm kiếm tri thức</p>	<p>- GV nêu vấn đề để SV tìm kiếm tri thức mới.</p> <p>-Xác định đúng quy luật với các bài tập GV giao cho các nhóm.</p> <p>-SV hoạt động nhóm, tự tổ chức tìm kiếm, khám phá tri thức bằng những vấn đề GV giao.</p>	<p>CÁC QUY LUẬT CỦA TÌNH CẢM</p> <p>Các chủ đề, bài tập thảo luận GV giao:</p> <p>Bài 1. Khi có một bạn trong lớp có chuyện buồn thì cả lớp đều buồn theo. Hiện tượng đó nói lên quy luật nào của đời sống tình cảm?</p> <p>Bài 2. Trong cuộc sống hằng ngày, ta thường gặp các hiện tượng như: “<i>Giận cá chém thớt</i>”, “<i>vơ đũa cả nắm</i>”. . . Các hiện tượng đó được phản ánh trong quy luật nào của đời sống tình cảm?</p> <p>Bài 3. Hiện tượng: “<i>Giận mà giận thương mà thương</i>” nói lên quy luật nào trong đời sống tình cảm của con người?</p> <p>Bài 4. Khi ta ở chỉ là nơi đất ở Khi ta đi đất bỗng hoá tâm hồn (<i>Chế Lan Viên</i>)</p> <p>Bài 5. Trong cuộc sống hằng nay, khi xem phim, càng yêu thương nhân vật chính đau khổ, đáng thương . . . bao nhiêu thì càng ghét nhân vật phản diện độc ác bấy nhiêu.</p> <p>Bài 6. Nắng mưa thì giêng nắng đầy Anh nắng đi lại mẹ thầy nắng thương (<i>Ca dao Nghệ An</i>)</p> <p>Yêu cầu các nhóm:</p> <p>+ Tất cả SV các nhóm đọc nội dung giáo trình, trao đổi, bàn bạc để đưa ra ý kiến đúng cho các bài tập, theo các yêu cầu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1.Hãy xác định đúng tên quy luật tình cảm cho mỗi bài tập; 2. Phát biểu nội dung quy luật; 3. Vận dụng mỗi QL trong đời sống và trong công tác GD. <p>- Mỗi nhóm trình bày ý tưởng trên giấy kính hoặc giấy roki, sau đó chiếu lên bằng máy overhead hoặc dán giấy roki trên bảng và thuyết trình.</p>	<p>Máy chiếu projector</p> <p>Máy overhead, giấy kính trong, bút dạ, giấy roki</p>
	15	<p>Đánh giá, nhận xét nội dung mà SV đã thảo luận nhóm.</p>	<p>- Đàm thoại</p> <p>- Giảng giải</p> <p>- Thông báo</p> <p>- Nêu vấn đề, tái hiện tri thức mới (đã thảo luận)</p>	<p>- Đại diện các nhóm trình bày phần thảo luận của nhóm mình trên đèn chiếu overhead hoặc trên bảng.</p> <p>- Các nhóm tự nhận xét phần nội dung trình bày lẫn nhau để bổ sung cho nhau.</p> <p>- GV: Nhận xét phần trình bày của các nhóm. Nêu những điểm SV thực hiện được và chưa thực hiện được. Nhận xét, đánh giá, so sánh giữa các nhóm.</p>	<p>Giấy kính trong, bút dạ</p> <p>Đèn chiếu overhead; giấy roki</p> <p>Máy chiếu projector</p>

			<p>GV lần lượt thuyết trình, phân tích, chốt kiến thức để SV hiểu bài một cách rõ ràng.</p>	<p>GV: Vừa nhận xét, vừa giảng giải để chốt lại một số nội dung cơ bản của bài học (Các quy luật của đời sống tình cảm và ý nghĩa các quy luật này trong đời sống và trong công tác GD). + Đời sống tình cảm con người thường diễn ra theo các quy luật sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy luật lây lan - Quy luật di chuyển - Quy luật pha trộn - Quy luật tương phản - Quy luật thích ứng - Quy luật hình thành tình cảm. <p>-> Nêu ý nghĩa các quy luật đó trong đời sống và trong công tác GD nói chung. + Bản thân mỗi SV sau khi hiểu nội dung các quy luật này, tự rút ra ý nghĩa gì cho bản thân mình trong đời sống và trong công tác GD sau này. Mỗi SV tự liên hệ với bản thân để rút ra điều gì đó thì mới hình thành năng lực học tập của mình sau bài học, chứ không đơn thuần chỉ tiếp cận nội dung tri thức một cách thuần túy.</p>													
03	15	<p>Kết luận</p> <p>+ HD luyện tập, củng cố mức độ hiểu bài của SV.</p>	- Đàm thoại	<p>Bài tập:</p> <p>1. Ghép các quy luật của tình cảm (cột I) với các biểu hiện tương ứng của nó (cột II)</p> <table border="1" style="width: 100%;"> <thead> <tr> <th style="width: 50%;">Cột I</th> <th style="width: 50%;">Cột II</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1. Quy luật thích ứng</td> <td>a. Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ.</td> </tr> <tr> <td>2. Quy luật di chuyển</td> <td>b. Thiếp như con én lạc đàn Phải cung rày đã sợ làn cây cong</td> </tr> <tr> <td>3. Quy luật lây lan</td> <td>c. Nổi uất hận bị kim kẹp, nén chặt bao năm đã làm “nổ tung” ra niềm vui sướng của ngày được giải phóng.</td> </tr> <tr> <td>4. Quy luật pha trộn</td> <td>d. Trung bình mỗi ngày hai trận đòn, nó đã trở nên “chai sạn” và không còn sợ bố nó nữa.</td> </tr> <tr> <td>5. Quy luật tương phản</td> <td>e. “Giận mà giận, thương mà thương”. g. Ngọt bùi nhớ lúc đắng cay. Qua sông nhớ suối, có ngày nhớ đêm.</td> </tr> </tbody> </table>	Cột I	Cột II	1. Quy luật thích ứng	a. Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ.	2. Quy luật di chuyển	b. Thiếp như con én lạc đàn Phải cung rày đã sợ làn cây cong	3. Quy luật lây lan	c. Nổi uất hận bị kim kẹp, nén chặt bao năm đã làm “nổ tung” ra niềm vui sướng của ngày được giải phóng.	4. Quy luật pha trộn	d. Trung bình mỗi ngày hai trận đòn, nó đã trở nên “chai sạn” và không còn sợ bố nó nữa.	5. Quy luật tương phản	e. “Giận mà giận, thương mà thương”. g. Ngọt bùi nhớ lúc đắng cay. Qua sông nhớ suối, có ngày nhớ đêm.	Máy chiếu projector.
Cột I	Cột II																
1. Quy luật thích ứng	a. Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ.																
2. Quy luật di chuyển	b. Thiếp như con én lạc đàn Phải cung rày đã sợ làn cây cong																
3. Quy luật lây lan	c. Nổi uất hận bị kim kẹp, nén chặt bao năm đã làm “nổ tung” ra niềm vui sướng của ngày được giải phóng.																
4. Quy luật pha trộn	d. Trung bình mỗi ngày hai trận đòn, nó đã trở nên “chai sạn” và không còn sợ bố nó nữa.																
5. Quy luật tương phản	e. “Giận mà giận, thương mà thương”. g. Ngọt bùi nhớ lúc đắng cay. Qua sông nhớ suối, có ngày nhớ đêm.																

		<p>+ HD tìm tòi, mở rộng tri thức.</p> <p>+ HD ĐG, tổng kết, hướng dẫn tự học.</p>		<p>2. Phân biệt điểm khác nhau giữa quy luật lây lan và quy luật di chuyển? Lấy ví dụ minh họa.</p> <p>3. GV chiếu một đoạn phim “<i>Người cha</i>”, SV xem và cho biết, nội dung trong đoạn phim phản ánh quy luật nào của tình cảm?</p> <p>4. <i>Xem xét các tình huống:</i></p> <p>a. Hương đang tập trung làm một bài tập rất khó, áp lực tâm lí đang đè lên người cô. Lúc này cô cần sự yên tĩnh nhưng Hạnh vô tình đã hỏi cô liên tục một câu hỏi. Hương cảm thấy khó chịu và cáu gắt với Hạnh cho dù Hạnh không thực sự có lỗi.</p> <p>b. Khi chấm bài, sau một loạt bài kém, gặp một bài khá, GV cảm thấy hài lòng. Bình thường bài khá này chỉ đạt điểm 7 nhưng trong hoàn cảnh này GV lại cho điểm 9.</p> <p>-> Các quy luật nào của tình cảm được thể hiện ở các tình huống trên? Hiểu vấn đề trên, anh/chị rút ra bài học gì đối với bản thân trong cuộc sống và công tác sau này?</p> <p>+ Bài tập vận dụng:</p> <p>1. Hãy nêu một số biểu hiện của nội dung các quy luật tình cảm mà bạn đã từng gặp phải trong cuộc sống hàng ngày.</p> <p>2. Hãy đề xuất một số giải pháp để giải quyết khi bạn hoặc bạn của bạn gặp phải một vài khó khăn nào đó trong đời sống tình cảm.</p> <p>3. Hãy bàn bạc với các bạn trong lớp lập kế hoạch giúp đỡ một SV có hoàn cảnh gia đình khó khăn, nhút nhát trong học tập và ngại tham gia các HĐ.</p> <p>- SV: Suy nghĩ và làm các bài tập trên.</p> <p>+ GV: Nhận xét và đánh giá mức độ nhận thức và vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn của SV.</p> <p>+ Tổng kết bài học</p>	
--	--	--	--	--	--

3. Kết luận:

Dạy học theo định hướng phát triển năng lực người học trong giảng dạy TLH và GDH có thể được thực hiện theo những hình thức khác nhau, tất cả đều nhằm mục đích phát triển năng lực nghề nghiệp cho SV sau khi ra trường. Bài viết trên đã giới thiệu về cách thiết kế quy trình cho một kế hoạch dạy học theo định hướng phát triển năng lực người học theo trình tự các bước và được minh họa bằng một giáo án Tâm lý học.

Sự thành công của một giờ dạy theo định hướng phát triển năng lực người học phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố. Trong đó quan trọng nhất là sự chủ động, linh hoạt, sáng tạo

trong suy nghĩ của người dạy để thiết kế nên các hoạt động dạy học phù hợp nhằm tạo ra sự hưởng ứng tích cực từ phía SV và sản phẩm có được sau mỗi bài học chính là năng lực môn học được hình thành trong mỗi SV.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), “Tài liệu Hội thảo chương trình GD phổ thông”.
- [2]. Bernd Meier- Nguyễn Văn Cường (2014), “Lí luận dạy học hiện đại, Cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học”, *NXB Đại học Sư phạm*
- [3]. Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên), Phạm Khắc Chương, Phạm Việt Vương, Nguyễn Văn Diện, Lê Trảng Định (2007), “Giáo dục học – Tập 1”, *NXB Đại học sư phạm, Hà Nội*.
- [4]. Trần Trọng Thủy (1999), “Tâm lý học”, *NXB giáo dục*.
- [5]. Trần Trọng Thủy (chủ biên) (2002), “Bài tập thực hành Tâm lý học”, *NXBQG Hà Nội*.
- [6]. Hoàng Thị Tuyết (2013), “Phát triển chương trình đại học theo cách tiếp cận năng lực: Xu thế và nhu cầu”, *Tạp chí phát triển và hội nhập*.
- [7]. Phan Thị Hồng Vinh (2007), “Xây dựng, phát triển và quản lý chương trình dạy học”, *NXB Đại học Quốc gia Hà Nội*.
- [8]. Nguyễn Quang Uẩn (2004), “Tâm lý học đại cương”, *NXB Đại học sư phạm Hà Nội*.

Title: PSYCHOLOGY AND PEDAGOGY LESSONS DESIGNED IN COMPETENCY-BASED APPROACH

TRAN THI TUYET OANH

Hanoi National University of Education

NGUYEN THI KIM LIEN

Quang Nam University

Abstract: *Competency-based approach is a contemporary trend for teaching and learning at universities. Taking part in competency-based learning, students are provided with a learning environment where they can practice thinking, develop abilities of self-study, see needs for action and achieve competences after the lesson. Based on the theory of teaching, the paper will present some ways to design Psychology and Pedagogy lesson plans in competency-based approach.*

Key words: *Lesson plans, Competency-based approach, Learning and teaching innovation, Competency-based learning.*